TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19/3/2020
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị P**- sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu P S, xã T L, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/11/2019, nguyên đơn, chị Đặng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân C có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn từ ngày 13/02/2017. Nguyên nhân do anh C không chung thủy đã ngoại tình với người khác, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn và vợ chồng chị đã chính thức sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/7/2016, hiện cháu đang ở với chị P. Ly hôn chị không muốn làm tổn thương con do sự tranh chấp của bố mẹ nên chị tự nguyện giao con cho anh C nuôi dưỡng và chị đóng góp chi phí nuôi con theo qui định của pháp luật .

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, anh Nguyễn Xuân C không có mặt tại phiên tòa nhưng đã thể hiện quan điểm của anh tại Bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án như sau: Anh C xác nhận chị P trình bày về quá trình kết hôn, về con chung và tài sản chung là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng theo anh C do chị P đi dạy hợp đồng mầm non ở Hà Nội không có sự đồng ý của anh dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị P còn chặn số điện thoại của anh, vợ chồng không liên lạc được . Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi con, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng qui định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng của Thẩm phán đúng theo qui định tại Điều 170-BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ chưa làm rõ mâu thuẫn vợ chồng chị P anh C đã đến mức trầm trọng, cụ thể :

Tại đơn khởi kiện, chị P nêu nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trong đó có nguyên nhân do anh C ngoại tình, chung sống công khai với người khác giới. Nhưng các bản khai tiếp theo tại Tòa án chị P không đề cập đến nội dung này. Như vậy chị P có thay đổi lời khai nhưng Thẩm phán không xác minh làm rõ nguyên đơn thay đổi lời khai để chứng minh anh C không tu chí làm ăn, ngoại tình. Có hay không có việc anh C vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng là không đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Bác đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị P đối với anh Nguyễn Xuân C.

Án phí: Chị Đặng Thị P phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn- Chị Đặng Thị P đăng ký HKTT và cư trú tại xã H C; Anh Nguyễn Xuân C đăng ký HKTT và cư trú tại xã T L, cả hai xã đều thuộc huyện Th S- tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ngày 26/02/2020 chị P nộp đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Bị đơn- Anh Nguyễn Xuân C có ý kiến tại Biên bản hòa giải ngày 06/01/2020, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, không báo gọi anh nhiều lần tránh gây phiền hà cho anh. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ khoản 1 + 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Xuân C là hợp pháp, được chứng minh tại đăng ký kết hôn số 92/2016, ngày 15/01/2016 (BL02). Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Do xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được và chị cũng không còn tình cảm với anh C nên chị đơn phương làm đơn xin ly hôn.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng: Chị P và anh C đưa ra những nguyên nhân cụ thể khác nhau. Theo chị P, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị đơn phương làm đơn xin ly hôn là do anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người khác (Chị P không nêu rõ anh C ngoại tình với ai) nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được (BL01+17+20+25). Còn anh C cho rằng nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do chị P tự ý đi dạy hợp đồng Mầm non ở Hà Nội không được sự đồng ý của anh (BL18). Chị P còn chặn số điện thoại của anh khiến vợ chồng không liên lạc được (BL18+20+25). HĐXX nhận thấy: Mặc dù chị P và anh C đều đưa ra những nguyên nhân khác nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh chị thực tế đã xảy ra mà cả hai bên không tìm cách tháo gỡ để vợ chồng đoàn tụ. Sự xác nhận của các đương sự phù hợp với kết quả

xác minh của Tòa án tại địa phương nơi các đương sự cư trú trước khi vợ chồng ly thân (BL31), đã chứng minh mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh C phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân anh C ngăn cản không cho chị P đi làm, chị P đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Như vậy cả chị P và anh C đều vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau theo qui định tại khoản 2 Điều 19 và Điều 23- Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 2 Điều 19 qui định " *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*…" ; Điều 23 qui định " *Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp*…". Phía anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng để chị P quay về chung sống cùng anh . Anh C còn có ý thức bỏ mặc để chị P tự giải quyết, cụ thể "*…đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, không báo gọi anh nhiều lần tránh gây phiền hà cho anh*", điều đó chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh C là không thực tâm. Tại khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình qui định " *Khi vợ hoặc chồng có yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng*…".

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở kết luận: Tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh C là có căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Những phân tích, đánh giá tại Mục[2] là căn cứ để HĐXX không nhất trí quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th S về bác đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị P vì lý do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P, anh C chưa được làm rõ.

[4] Về con chung: Chị P và anh C xác nhận vợ chồng có 01 con chung. Quá trình tố tụng tại Tòa án các bên đều có nguyện vọng nuôi con, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên chị P tự nguyện giao con chung là cháu Nguyễn Phương A- Sinh ngày 22/7/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị P phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228 , Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P. Xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/7/2016 cho anh Nguyễn Xuân C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu Phương A thành niên. Chị Đặng Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng= 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu Phương Anh thành niên, tự lực được. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con . Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2018/0001938 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.".

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã H C*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy